

**CÔNG TY CỔ PHẦN
GANG THÉP HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2021/CBTT/GTHN

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘI

Trụ sở: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 024 6686 1968

Người thực hiện CBTT: Bà Nguyễn Thị Hà Hưng

Loại thông tin công bố thông tin : 72 giờ Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ

Nội dung công bố thông tin:

Công ty Cổ phần Gang thép Hà Nội Công bố thông tin Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét.

Thông tin trên đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Gang thép Hà Nội tại địa chỉ: https://gangthephanoi.com/Danh_cho_nha_dau_tu/Bao_cao_tai_chinh/Bao_cao_tai_chinh_giua_nien_do. Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Tài liệu có liên quan

TU. CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘI
Người được ủy quyền công bố thông tin



Nguyễn Thị Hà Hưng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘI

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05 - 30
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 30

STP
C
TRAC
HAT
HOI

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gang thép Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Gang thép Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0106358846 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08 tháng 11 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 19 tháng 05 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 68 Lư Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Thắm	Chủ tịch	(Bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT ngày 05 tháng 05 năm 2021; Miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT ngày 05 tháng 05 năm 2021)
Ông: Nguyễn Mậu Hoàng	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2021)
Ông: Nguyễn Văn Quân	Thành viên	
Ông: Trần Bá Dũng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2021)
Bà: Nguyễn Thị Hương	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2021)
Bà: Nguyễn Thị Quyên	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2021)
Ông: Hà Minh Đức	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2021)
Ông: Phạm Đức Toàn	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2021)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Nguyễn Văn Quân	Tổng Giám đốc	
Bà: Nguyễn Thị Quyên	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2021)
Bà: Nguyễn Thị Thắm	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2021)

Các thành viên của Ủy ban kiểm toán nội bộ được Hội đồng Quản trị bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Hương	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2021)
Ông: Trần Bá Dũng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2021)

Thay thế cho Ban kiểm toán nội bộ bao gồm:

Ông: Trần Hồng Lâm	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2021)
Ông: Nguyễn Hồng Nghị	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2021)
Ông: Phạm Đức Toàn	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2021)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quân

Nguyễn Văn Quân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2021

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Gang thép Hà Nội**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Gang thép Hà Nội được lập ngày 29 tháng 07 năm 2021, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gang thép Hà Nội chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gang thép Hà Nội tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0725-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		66.733.007.109	71.503.808.394
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	5.605.464.475	7.387.598.485
111	1. Tiền		5.605.464.475	7.387.598.485
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		37.485.711.695	41.767.909.116
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	20.011.821.650	17.740.920.225
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	16.623.835.500	23.986.534.346
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	800.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	08	50.054.545	40.454.545
140	III. Hàng tồn kho	09	23.441.259.325	21.482.802.634
141	1. Hàng tồn kho		23.441.259.325	21.482.802.634
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		200.571.614	865.498.159
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	200.571.614	339.926.773
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	525.571.386
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		17.356.294.759	5.858.353.946
220	I. Tài sản cố định		5.022.135.634	5.465.068.632
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	4.555.230.938	4.998.163.936
222	- Nguyên giá		8.816.969.341	8.725.160.250
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.261.738.403)	(3.726.996.314)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	466.904.696	466.904.696
228	- Nguyên giá		466.904.696	466.904.696
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn	04	12.000.000.000	-
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		12.000.000.000	-
260	III. Tài sản dài hạn khác		334.159.125	393.285.314
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	334.159.125	393.285.314
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		84.089.301.868	77.362.162.340

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		25.348.620.089	22.882.325.313
310	I. Nợ ngắn hạn		25.348.620.089	22.882.325.313
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	1.402.775.095	297.315.454
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.179.142.082	710.954.040
314	3. Phải trả người lao động		268.431.812	140.061.500
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		83.500.000	32.546.305
320	5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	22.414.771.100	21.701.448.014
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		58.740.681.779	54.479.837.027
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	58.740.681.779	54.479.837.027
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		50.000.000.000	50.000.000.000
411a	<i>Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết</i>		50.000.000.000	50.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.740.681.779	4.479.837.027
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		4.479.837.027	1.989.285.608
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		4.260.844.752	2.490.551.419
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		84.089.301.868	77.362.162.340

Người lập biểu



Đoàn Thị Bích Huệ

Kế toán trưởng



Đinh Thị Mai

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	172.618.467.750	169.013.641.880
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		172.618.467.750	169.013.641.880
11	4. Giá vốn hàng bán	19	162.794.962.906	163.917.207.310
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.823.504.844	5.096.434.570
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	22.010.162	1.668.452
22	7. Chi phí tài chính	21	631.746.934	739.511.491
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		631.746.934	739.511.491
25	8. Chi phí bán hàng	22	921.331.229	940.723.709
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	2.920.759.403	1.742.377.117
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.371.677.440	1.675.490.705
31	11. Thu nhập khác		90.450	36.711
32	12. Chi phí khác	24	20.782.504	4.050.397
40	13. Lợi nhuận khác		(20.692.054)	(4.013.686)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.350.985.386	1.671.477.019
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	1.090.140.634	354.238.961
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>4.260.844.752</u>	<u>1.317.238.058</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	<u>852</u>	<u>263</u>

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu

Đoàn Thị Bích Huệ

Kế toán trưởng

Đinh Thị Mai

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		5.350.985.386	1.671.477.019
	2. Điều chỉnh cho các khoản		1.144.478.861	1.259.428.122
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		534.742.089	521.585.083
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(22.010.162)	(1.668.452)
06	- Chi phí lãi vay		631.746.934	739.511.491
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		6.495.464.247	2.930.905.141
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		5.617.368.807	(4.678.982.834)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.958.456.691)	(3.162.730.718)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.400.331.401	(666.282.812)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		198.481.348	102.974.823
14	- Tiền lãi vay đã trả		(648.293.239)	(739.511.491)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(720.954.040)	(852.919.134)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		10.383.941.833	(7.066.547.025)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(91.809.091)	(120.000.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(900.000.000)	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		100.000.000	-
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(12.000.000.000)	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		12.410.162	1.668.452
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(12.879.398.929)	(118.331.548)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		39.714.771.100	35.290.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(39.001.448.014)	(32.507.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		713.323.086	2.783.000.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1.782.134.010)	(4.401.878.573)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		7.387.598.485	7.009.419.273
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	5.605.464.475	2.607.540.700

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu

Đoàn Thị Bích Huệ

Kế toán trưởng

Đinh Thị Mai

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gang thép Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0106358846 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08 tháng 11 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 19 tháng 05 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 50.000.000.000 đồng; Tương đương 5.000.000 cổ phần; Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là: 18 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 15 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại và phôi thép.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

- Trong 06 tháng đầu năm 2021, doanh thu của Công ty đạt 172,62 tỷ đồng tăng 2,13% tương ứng tăng 3,61 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu 06 tháng đầu năm không có nhiều biến động so với cùng kỳ, tuy nhiên lãi gộp tăng đến 92,75% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu là do giá thép trên thị trường thế giới cũng như thị trường trong nước nửa đầu năm 2021 biến động tăng đáng kể, Công ty đã làm việc hiệu quả khi dự báo được xu hướng biến động của giá thép dẫn đến có kế hoạch tích trữ hàng tồn kho từ cuối năm 2020 và bán ra trong nửa đầu năm 2021. Ngoài ra, Công ty mở rộng hoạt động sang kinh doanh sản phẩm Phôi thép, theo đó doanh thu Phôi thép chiếm tỷ lệ 33,73% doanh thu 06 tháng đầu năm 2021, với tỷ lệ lãi gộp là 5,8%.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ vào Báo cáo tài chính công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	30 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	02 - 04 năm

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ lũng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí thuê kho trả trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê kho.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 06 đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 06 đến 36 tháng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.11. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền sở hữu hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.17. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

2.19. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21. Thông tin bộ phận

Do Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại và diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	31.533.176	205.343.649
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.573.931.299	7.182.254.836
	5.605.464.475	7.387.598.485

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	12.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần TM&DV Bắc Việt Green	12.000.000.000	-	-	-
	12.000.000.000	-	-	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2021 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần TM&DV Bắc Việt Green (*)	Hà Nội	40%	40%	Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gang thép Hà Nội số 07/2021/NQ-HĐQT-GTHN ngày 28/06/2021, quyết định đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần TM&DV Bắc Việt Green, tổng vốn đầu tư 12.000.000.000 đồng tương đương với 1.200.000 cổ phần chiếm 40% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần TM&DV Bắc Việt Green.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem Thuyết minh số 32.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty TNHH 2HC Việt Nam	1.267.856.050	-	6.355.375.000	-
- Công ty TNHH Thương mại đá Thuận Thiên	-	-	4.020.620.825	-
- Công ty TNHH Nhập khẩu và Thương mại T&T	-	-	3.030.863.000	-
- Công ty Cổ phần XNK Hưng Phong	-	-	4.334.061.400	-
- Công ty Cổ phần TM&DV Bắc Việt Green	4.421.822.600	-	-	-
- Công ty TNHH Thép Kyoei Việt Nam	14.322.143.000	-	-	-
	20.011.821.650	-	17.740.920.225	-
Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	4.421.822.600	-	-	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Hải Lâm	5.207.455.750	-	6.000.000.000	-
- Công ty TNHH Kim Khí HTM	2.500.000.000	-	7.100.001.000	-
- Công ty TNHH Thép Việt Đức Đông	6.373.388.750	-	5.000.000.000	-
- Công ty TNHH Thép An Việt	-	-	2.500.000.000	-
- Các khoản trả trước người bán khác	2.542.991.000	-	3.386.533.346	-
	16.623.835.500	-	23.986.534.346	-

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Ngọc Quyền (i)	800.000.000	-	-	-
	800.000.000	-	-	-

Thông tin chi tiết về các khoản cho vay như sau:

(i) Hợp đồng cho vay tiền số 012021/HDCV/GT-NQ ngày 06/05/2021 giữa Công ty Cổ phần Gang thép Hà Nội và Công ty TNHH Ngọc Quyền bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích vay: Mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn vay: 09 tháng (kể từ ngày 06/05/2021);
- Lãi suất cho vay: 1,2%/tháng;
- Phương thức bảo đảm: Thế chấp bằng tài sản hình thành từ khoản vay của bên vay;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2021 là 800.000.000 đồng.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Ký cược, ký quỹ	25.000.000	-	25.000.000	-
- Phải thu Công ty TNHH Ngọc Quyền tiền lãi cho vay	9.600.000	-	-	-
- Phải thu ngắn hạn khác	15.454.545	-	15.454.545	-
	50.054.545	-	40.454.545	-

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.129.158.153	-	-	-
- Hàng hóa	19.312.101.172	-	21.482.802.634	-
	23.441.259.325	-	21.482.802.634	-

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	1.919.732.304	6.606.209.764	199.218.182	8.725.160.250
- Mua trong kỳ	-	-	91.809.091	91.809.091
Số dư cuối kỳ	1.919.732.304	6.606.209.764	291.027.273	8.816.969.341
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	112.462.964	3.530.402.668	84.130.682	3.726.996.314
- Khấu hao trong kỳ	24.408.630	483.918.120	26.415.339	534.742.089
Số dư cuối kỳ	136.871.594	4.014.320.788	110.546.021	4.261.738.403
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	1.807.269.340	3.075.807.096	115.087.500	4.998.163.936
Tại ngày cuối kỳ	1.782.860.710	2.591.888.976	180.481.252	4.555.230.938

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.692.236.809 VND;
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 31.818.182 VND.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài của căn hộ chung cư 905+ 906 thuộc nhà chung cư C6-K1, Khu đô thị mới Mỹ Đình I có nguyên giá 466.904.696 VND và giá trị còn lại 466.904.696 đồng; Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 466.904.696 VND.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Tiền thuê kho Thạch Thất (1)	120.000.000	300.000.000
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	38.684.839	-
- Phí bảo hiểm	41.886.775	39.926.773
	200.571.614	339.926.773
b) Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa	205.351.589	280.024.895
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	128.807.536	113.260.419
	334.159.125	393.285.314

(1) Công ty ký Hợp đồng thuê nhà xưởng số 0610/HĐTK/CD-GTHN với Chu Thị Duyên để thuê Nhà xưởng với diện tích 700 m² tại xã Phùng Xá, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội; Thời gian thuê 01 năm kể từ ngày 06/11/2020 đến ngày 06/11/2021; Đơn giá thuê 30.000.000 VND/tháng.

Công ty Cổ phần Gang thép Hà Nội

Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2021		Trong kỳ		30/06/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn	21.701.448.014	21.701.448.014	39.714.771.100	39.001.448.014	22.414.771.100	22.414.771.100
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (1)	17.235.636.050	17.235.636.050	37.214.771.100	34.525.636.050	19.914.771.100	19.914.771.100
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (2)	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	1.965.811.964	1.965.811.964	-	1.965.811.964	-	-
	21.701.448.014	21.701.448.014	39.714.771.100	39.001.448.014	22.414.771.100	22.414.771.100

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng cho vay hạn mức số 0306/2020-HĐCVHM/NHCT326-GANGTHEPHN ngày 03/06/2020 giữa Công ty Cổ phần Gang Thép Hà Nội và Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn vay: 04 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay trong hạn của kt-cản nợ là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ và có giá trị từ thời điểm giải ngân;
- + Phương thức bảo đảm bao gồm các tài sản sau:
 Căn hộ chung cư số 906 và Quyền sử dụng đất tại chung cư nhà C6-K1, Khu đô thị Mỹ Đình I, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp căn hộ 2103/2019/VĐBĐ/NHCT326-GANGTHEPHN ngày 21/03/2019;
 Căn hộ chung cư số 907 và Quyền sử dụng đất tại chung cư nhà C6-K1, Khu đô thị mới Mỹ Đình I, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội của ông Nguyễn Đức Hà và bà Đặng Hồng Ngân theo Hợp đồng thế chấp căn hộ số 3866/2015 ngày 25/08/2015;
 Căn hộ chung cư số 601 và Quyền sử dụng đất tại Công trình hỗn hợp MD Complex Tower, Phường Cầu Diễn, Khu đô thị Mỹ Đình I, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội của ông Nguyễn Đức Nam và bà Đỗ Thị Thanh Nhân theo Hợp đồng thế chấp căn hộ 04/2018/HĐBĐ/NHCT326 ngày 04/04/2018;
 Xe ô tô Camry biển số 30F-17082 theo Hợp đồng số 04/2018/HĐBĐ/NHCT326-GANGTHEPHN ngày 15/05/2018, giá trị của tài sản thế chấp tại thời điểm này là 1.264.000.000 đồng, các khoản tín dụng tối đa được bảo đảm là 380.000.000 đồng;

Căn hộ chung cư số 905 và Quyền sử dụng đất tại chung cư nhà C6-K1, Khu đô thị mới Mỹ Đình I, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng 0603/2018.HĐBĐ/NHCT326 ngày 06/03/2018;
Xe ô tô Toyota Land Cruiser biển số 30A-73.721 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số công chứng 3865/2015 ngày 25/08/2015. giá trị của tài sản thế chấp tại thời điểm này là 2.900.000.000 đồng, các khoản tín dụng tối đa được bảo đảm là 2.000.000.000 đồng;
+ Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2021 là 19.914.771.100 đồng.

(2) Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 172/2021/HĐTD/TLG/01 ngày 18/05/2021 giữa Công ty Cổ phần Gang thép Hà Nội và Ngân hàng TMCP Tiên Phong bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 3.750.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thương mại sắt thép, phế liệu, xây dựng;
- + Thời hạn vay: 05 tháng theo từng lần nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ của Khách hàng;
- + Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2021 là 2.500.000.000 đồng.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Việt Nam	594.440.000	594.440.000	242.770.000	242.770.000
- Công ty TNHH Ngọc Quyền	575.232.500	575.232.500	-	-
- Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Phúc Thịnh	233.102.595	233.102.595	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	-	-	54.545.454	54.545.454
	1.402.775.095	1.402.775.095	297.315.454	297.315.454

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	97.474.310	-	-	97.474.310
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	710.954.040	1.090.140.634	720.954.040	-	1.080.140.634
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	21.707.138	20.180.000	-	1.527.138
- Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	33.633.334	33.633.334	-	-
	-	710.954.040	1.246.955.416	778.767.374	-	1.179.142.082

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	50.000.000.000	1.989.285.608	51.989.285.608
Lãi trong kỳ trước	-	1.317.238.058	1.317.238.058
Số dư cuối kỳ trước	50.000.000.000	3.306.523.666	53.306.523.666
Số dư đầu kỳ này	50.000.000.000	4.479.837.027	54.479.837.027
Lãi trong kỳ này	-	4.260.844.752	4.260.844.752
Số dư cuối kỳ này	50.000.000.000	8.740.681.779	58.740.681.779

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Văn Quân	6.500.000.000	13,00%	6.500.000.000	13,00%
Bà Nguyễn Thị Thắm	400.000.000	0,80%	400.000.000	0,80%
Ông Nguyễn Mậu Hoàng	-	0,00%	400.000.000	0,80%
Cổ đông khác	43.100.000.000	86,20%	42.700.000.000	85,40%
Tổng cộng	50.000.000.000	100,00%	50.000.000.000	100,00%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	50.000.000.000	50.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	50.000.000.000	50.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Công ty Cổ phần Gang thép Hà Nội ký Hợp đồng thuê văn phòng số 161B/HĐTVP-MHDI3/GTHN với Công ty Cổ phần ĐTPT nhà và Đô thị MHDI3 để thuê văn phòng tầng 1 với diện tích là 138,5 m² tại số 68 đường Lưu Hữu Phước, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội; Thời gian thuê 03 năm từ ngày 01/06/2019 đến 31/05/2022, Công ty phải trả tiền thuê Văn phòng đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định.

Công ty Cổ phần Gang thép Hà Nội ký Hợp đồng thuê nhà xưởng số 0610/HĐTK/CD-GTHN với Chu Thị Duyên để thuê Nhà xưởng với diện tích 700 m² tại xã Phùng Xá, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội; Thời gian thuê 01 năm kể từ ngày 06/11/2020 đến ngày 06/11/2021. Công ty phải trả tiền thuê Văn phòng đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định.

Công ty thuê tài sản [văn phòng, nhà xưởng, máy móc, thiết bị] theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2021, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	427.920.000	607.920.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	-	153.960.000

18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	172.618.467.750	169.013.641.880
	172.618.467.750	169.013.641.880
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)	31.941.912.750	-

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	162.794.962.906	163.917.207.310
	162.794.962.906	163.917.207.310

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	22.010.162	1.668.452
	22.010.162	1.668.452

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	631.746.934	739.511.491
	631.746.934	739.511.491

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	14.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	814.222.150	940.723.709
Chi phí khác bằng tiền	93.109.079	-
	921.331.229	940.723.709

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	486.303.986	292.102.096
Chi phí nhân công	1.315.345.366	854.908.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	534.742.089	521.585.083
Thuế, phí, và lệ phí	4.000.000	4.500.000
Chi phí khác bằng tiền	580.367.962	69.281.938
	2.920.759.403	1.742.377.117

24. CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Các khoản bị phạt	20.782.504	3.425.972
Chi phí khác	-	624.425
	20.782.504	4.050.397

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	5.350.985.386	1.671.477.019
Các khoản điều chỉnh tăng	99.717.783	99.717.783
- Chi phí không hợp lệ	99.717.783	99.717.783
Thu nhập chịu thuế TNDN	5.450.703.169	1.771.194.802
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	1.090.140.634	354.238.961
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	710.954.040	832.919.134
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(720.954.040)	(852.919.134)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	1.080.140.634	334.238.961

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	4.260.844.752	1.317.238.058
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.260.844.752	1.317.238.058
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	852	263

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	486.303.986	292.102.096
Chi phí nhân công	1.329.345.366	854.908.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	534.742.089	521.585.083
Chi phí dịch vụ mua ngoài	814.222.150	940.723.709
Chi phí khác bằng tiền	677.477.041	73.781.938
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	3.842.090.632	2.683.100.826

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.605.464.475	-	7.387.598.485	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.061.876.195	-	17.781.374.770	-
Các khoản cho vay	800.000.000	-	-	-
	26.467.340.670	-	25.168.973.255	-

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	22.414.771.100	21.701.448.014
Phải trả người bán, phải trả khác	1.402.775.095	297.315.454
Chi phí phải trả	83.500.000	32.546.305
	23.901.046.195	22.031.309.773

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/06/2021	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.605.464.475	-	-	5.605.464.475
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.061.876.195	-	-	20.061.876.195
Các khoản cho vay	800.000.000	-	-	800.000.000
	26.467.340.670	-	-	26.467.340.670
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.387.598.485	-	-	7.387.598.485
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.781.374.770	-	-	17.781.374.770
	25.168.973.255	-	-	25.168.973.255

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (tên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/06/2021	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	22.414.771.100	-	-	22.414.771.100
Phải trả người bán, phải trả khác	1.402.775.095	-	-	1.402.775.095
Chi phí phải trả	83.500.000	-	-	83.500.000
	23.901.046.195	-	-	23.901.046.195
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	21.701.448.014	-	-	21.701.448.014
Phải trả người bán, phải trả khác	297.315.454	-	-	297.315.454
Chi phí phải trả	32.546.305	-	-	32.546.305
	22.031.309.773	-	-	22.031.309.773

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	39.714.771.100	35.290.000.000
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	39.001.448.014	32.507.000.000

30. THÔNG TIN KHÁC

Theo Nghị Quyết số 01/2021/ĐHĐCĐ-GTHN ngày 29/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 Công ty Cổ phần Gang thép Hà Nội, thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo Tờ trình số 04/2021/HĐQT - GTHN ngày 28/04/2021: Số lượng cổ phiếu chào bán (dự kiến) là 5.000.000 cổ phiếu; Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá (dự kiến) là 50.000.000.000 đồng; Loại cổ phiếu chào bán là Cổ phiếu phổ thông; Giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu; Thời gian thực hiện sau khi được UBCKNN chấp thuận, dự kiến trong năm 2021 - 2022.

31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		31.941.912.750	-
Công ty Cổ phần TM&DV Bắc Việt Green	Công ty liên kết	31.941.912.750	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2021	01/01/2021
		VND	VND
Phải thu khách hàng		4.421.822.600	-
Công ty Cổ phần TM&DV Bắc Việt Green	Công ty liên kết	4.421.822.600	-

Thù lao của Hội đồng Quản trị và tiền lương, thưởng của Tổng Giám đốc và người quản lý khác:

Chức vụ	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm	
	2021	2020	
	VND	VND	
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị			
- Nguyễn Thị Thắm	Chủ tịch HĐQT	8.000.000	-
- Nguyễn Văn Quân	Thành viên HĐQT	6.000.000	-
- Trần Bá Dũng	Thành viên HĐQT	2.000.000	-
- Nguyễn Thị Hương	Thành viên HĐQT	4.000.000	-
- Nguyễn Thị Quyên	Thành viên HĐQT	4.000.000	-
		24.000.000	
Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác			
- Nguyễn Văn Quân	Tổng Giám đốc	101.889.500	84.873.750
- Nguyễn Thị Thắm	Phó Tổng Giám đốc (*)	51.878.000	38.901.500
- Nguyễn Thị Quyên	Phó Tổng Giám đốc	45.836.000	-
		199.603.500	123.775.250

(*) Ngày 05/05/2021, Bà Nguyễn Thị Thắm miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc.

Các thành viên HĐQT đã miễn nhiệm trong kỳ bao gồm: Ông Nguyễn Mậu Hoàng, Ông Hà Minh Đức, Ông Phạm Đức Toàn không nhận thù lao HĐQT trong 6 tháng đầu năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2020.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ do Công ty lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

Người lập biểu



Đoàn Thị Bích Huệ

Kế toán trưởng



Đinh Thị Mai

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quân